TÒA ÁN NHÂN KHU VỰC 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 51/2025/QĐST-HNGĐ	*TP.Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 66/2025/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Bà Giang Thị Thu H, sinh ngày 29/12/1979; Căn cước công dân số: 034179009618

Nơi thường trú: 752/18 B, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nay là 7 B, phường R, thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi ở hiện nay: H B, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nay là H B, phường P, thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Trần Xuân P, sinh ngày 30/10/1979; Căn cước công dân số: 034079007859

Nơi thường trú: B L, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nay là B L, phường R, thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi ở hiện nay: H B, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nay là H B, phường P, thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hai bên đương sự thực sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về con chung và không chia tài sản chung; sự thỏa thuận này bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ, con.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17 tháng 9 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành,

không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Công nhận bà Giang Thị Thu H và ông Trần Xuân P thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Bà Giang Thị Thu H và ông Trần Xuân P có 03 con chung tên là Trần Giang N, sinh ngày 22/12/2003; Trần Giang Thanh T, sinh ngày 08/9/2008 và Trần Giang Tường V, sinh ngày 23/12/2015.

+ Cháu N đã trưởng thành tuy nhiên là người khuyết tật, không có khả năng lao động. Bà H và ông P thỏa thuận: Bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, ông P cấp dưỡng nuôi cháu N với mức cấp dưỡng là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/01 tháng. Thời hạn cấp dưỡng bắt đầu khi án có hiệu lực.

+ Theo nguyện vọng của cháu T, cháu V và theo sự thỏa thuận của bà H, ông P: Bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu V, ông P cấp dưỡng nuôi con với mức là 5.000.000 đồng(năm triệu đồng)/01 tháng/cháu. Thời hạn cấp dưỡng bắt đầu khi án có hiệu lực, kết thúc khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Giang Thị Thu H và ông Trần Xuân P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Bà Giang Thị Thu H và ông Trần Xuân P mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0018145 và 0018144 cùng ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; bà H, ông P đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 11 – TP.HCM;
- Phòng THA DS Khu vực 11 – TP.HCM;
- UBND Xã Hưng Phú, Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Mai Thu Trang